

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST

Ngày: 11/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương – bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 17/01/2018, đối với các bị cáo:

1. TRẦN VĂN KH, sinh ngày 09/02/1984, tại tỉnh Q

Nơi cư trú: Xóm Trầm Ân, xã Th Q, huyện S, tỉnh Q; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 8/12; con ông : Trần Tử B, sinh năm 1950 và bà Phùng Thị Ch, sinh năm 1954; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không

***Tiền án:** Ngày 31/7/2013 Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong án phạt tù ngày 17/8/2015. (Bản án số 65/2013/HSST)

***Nhân thân:**

- Ngày 15/5/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc;

- Ngày 25/01/2018 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q xử 09 (chín) tháng tù về tội. Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa

2. ĐINH ĐỨC C, sinh ngày 30/10/1978 tại tỉnh Q

Nơi cư trú: Xóm 5, nhà máy Z129, xã Đội B, huyện S, tỉnh Q; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Công nhân Nhà máy Z129 Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng đã phục viên ngày 01/6/2017; trình độ: 12/12; con ông Đinh Thái Q (đã chết) và bà

Trần Lê Nh, sinh năm 1950; vợ: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1978; con: Có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân: Ngày 02/01/2018 Toà án nhân dân huyện S xử 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Hoàng Khắc S; sinh năm 1943; ĐKHKTT: Tổ 25, phường Minh X, thành phố T, tỉnh Q; chỗ ở: Tổ 28, phường Tân H, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

2. Bà Diu Thị Ch; sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 29, phường Ph, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt

3. Bà Vũ Thị D; sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 11, phường Tân H, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt

4. Anh Nguyễn Đức H; sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 21, phường H, thành phố T, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Đăng Kh; sinh năm 1979; nơi cư trú: Số nhà 60, tổ 17, phường N, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 4 và tháng 10 năm 2017; trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; bị cáo Trần Văn Kh đã có hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Đinh Đức C đã có hành vi trộm cắp tài sản và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 27/4/2017, Kh từ nhà đi xuống thành phố T, mục đích trộm cắp tài sản; khi đi đến khu vực tổ 28, phường Tân H, thành phố T, Kh nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Wave KRSA, BKS 22H5-1215 của ông Hoàng Khắc S dựng ở sân phía trước cửa nhà ông Nguyễn Ngọc C. Quan sát thấy không có người, Kh đi vào nhà ông S, lấy chìa khóa của xe mô tô để trên một máy khoan sắt gần đó, mở khóa xe nổ máy rồi điều khiển xe đi về nhà ở xã Thắng Q, huyện S cất giấu tại nhà ở của mình. Khoảng một tuần sau, Kh mang xe mô tô xuống quán cầm đồ Hùng Hương tại tổ 2, phường Hưng Thành cầm cố được số tiền là 4.000.000đ. Số tiền cầm cố xe, Kh đã chi tiêu cá nhân hết. Xe mô tô không thu hồi được.

Tại kết luận số 53 ngày 16/5/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Wave KRSA, biển số 22H5-1215, giá trị còn lại là 6.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Khắc S yêu cầu bị cáo Trần Văn Kh bồi thường số tiền 6.000.000đ. Bị cáo chưa bồi thường

- Lần hai: Khoảng 19 giờ ngày 07/10/2017, bị cáo Trần Văn Kh đi xuống phòng trọ của bị cáo Đinh Đức C rủ C đi xuống thành phố T trộm cắp tài sản, C đồng ý. C mượn xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI VIVA, màu sơn xanh của anh H ở cùng xóm trọ (không xác định được họ, tên đệm và địa chỉ nơi cư trú), chở Kh xuống thành phố T. Khi đến khu vực tổ 29, phường Phan Th, Kh thấy nhà bà Diu Thị Ch cửa mở, trong nhà không có người, Kh bảo C dừng xe để vào trộm tài sản. Kh đi vào trong nhà bà Ch lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng để trên nóc tủ kính. Sau đó, Kh và C đã mang điện thoại lấy trộm được đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Đăng Kh bán được 1.200.000đ. Kh và C đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Ngày 18/10/2017, anh Nguyễn Đăng Kh đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc điện thoại Iphone 6 Plus.

Tại Kết luận số 138 ngày 19/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: Điện thoại di động Iphone 6 Plus, giá trị còn lại là 6.525.000đ.

Ngày 26/10/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho bà Ch. Bà Ch nhận lại tài sản không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Lần 3: Khoảng 12 giờ ngày 09/10/2017, Kh và C rủ nhau đi xuống thành phố T mục đích trộm cắp tài sản, C mượn xe mô tô của anh H chở Kh đi xuống thành phố T. Khi đến khu vực tổ 11, phường Tân H, Kh thấy nhà bà Vũ Thị D cửa mở, trong nhà không có người. Kh bảo C dừng xe lại ở ngoài đợi, còn Kh đi vào trong nhà tộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 màu vàng, đang sạc pin để trên kệ tủ ti vi. Sau đó, Kh và C mang điện thoại đến Hiệu cầm đồ Quang V ở tổ 33, phường Phan Th, bán được 500.000đ; Kh và C đã cùng nhau chi tiêu hết số tiền này.

Tại Kết luận số 140 ngày 19/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: Điện thoại di động OPPO A39, giá trị còn lại là 3.010.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.010.000đ. Các bị cáo chưa bồi thường.

- Lần 4: Khoảng 12 giờ ngày 10/10/2017, Kh và C đi xe mô tô (mượn của anh H) xuống thành phố T. Khi đi đến khu vực trường THPT Y La tại phường

Tân H thì Kh bảo C vào một quán nước ngồi chờ, để Kh một mình đi có việc; Kh điều khiển xe mô tô đi đến khu vực tổ 21, phường H, thấy cửa hàng làm nhôm kính của anh Nguyễn Đức H cửa mở, quan sát thấy không có người, Kh vào trong cửa hàng trộm cắp 01 máy cắt nhôm nhãn hiệu Makita LSI030N, màu sơn xanh để ở gần cửa ra vào. Sau đó, Kh mang cất giấu vào một bụi cây ven đường ở khu vực Km.5 đường T – Hà Giang rồi đi đón C, trên đường đi Kh nói cho C biết là vừa trộm được 01 máy cắt nhôm ở gần khu vực bên xe và chờ C đi lấy máy cắt nhôm, sau đó mang về phòng trọ của C cất giấu. Ngày 12/10/2017, Kh xuống phòng trọ của C lấy máy cắt nhôm bán cho một người làm nhôm kính ở khu vực gần chợ Đa Năng, thuộc huyện D với số tiền 1.600.000đ. Số tiền này, Kh và C đã cùng nhau chi tiêu hết.

Tại Kết luận số 140 ngày 19/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: Máy cắt nhôm nhãn hiệu Makita LSI030N, giá trị còn lại là: 2.400.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đức H yêu cầu bị cáo Trần Văn Kh bồi thường số tiền 2.400.000đ. Bị cáo chưa bồi thường

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 09/QĐ-KSĐT ngày 16 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Văn Khanh về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đinh Đức C về tội Trộm cắp tài sản và Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Văn Kh về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo Đinh Đức C về tội Trộm cắp tài sản và tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn Kh. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Đức C. Xử phạt bị cáo Trần Văn Kh từ 12 tháng đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo Đinh Đức Cường từ 9 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” xử phạt từ 6 tháng đến 9 tháng tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 02/2018/ HS- ST ngày 25/01/2018 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q. Buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về phần bồi thường dân sự: Ông Hoàng Khắc S yêu cầu bị cáo Trần Văn Kh phải bồi thường cho ông số tiền 6.000.000đ. Bị cáo nhất trí có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Khắc S số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Bà Vũ Thị D yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 3.010.000đ (*ba triệu không trăm mười nghìn đồng*) bị cáo Kh và bị cáo C nhất trí có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 3.010.000đ chia trách nhiệm mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà D số tiền là 1.505.000đ (*một triệu năm trăm, năm nghìn đồng*). Bà Diu Thị Ch đã nhận lại tài sản không yêu cầu đề nghị gì. Anh Trần Đăng Kh, anh Nguyễn Đức H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên đề nghị HĐXX không xem xét. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung; tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn Kh, Đinh Đức C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo Trần Văn Kh, Đinh Đức C nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Kh, Đinh Đức C tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản xác minh hiện trường; kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 4 và tháng 10/2017; trên địa bàn thành phố T. Trần Văn Kh đã có hành vi trộm cắp tài sản; Đinh Đức C đã có hành vi trộm cắp tài sản và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 27/4/2017; tại tổ 28, phường Tân H, thành phố T; Trần Văn Kh đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave KRSA, BKS 22H5-1215, trị giá 6.000.000đ của ông Hoàng Khắc S;

- Lần 2: Khoảng 19 giờ ngày 07/10/2017; tại tổ 29, phường Phan Th, thành phố T; Trần Văn Kh và Đinh Đức C đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, trị giá 6.525.000đ của bà Dìu Thị Ch;

- Lần 3: Khoảng 12 giờ ngày 09/10/2017; tại tổ 11, phường Tân Hà, thành phố T; Trần Văn Kh và Đinh Đức C đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động OPPO A39, trị giá 3.010.000đ của bà Vũ Thị D;

- Lần 4: Khoảng 12 giờ ngày 10/10/2017; tại tổ 21, phường H, thành phố T Trần Văn Kh đã có hành vi trộm cắp 01 Máy cắt nhôm nhãn hiệu Makita LSI030N, trị giá 2.400.000đ của anh Nguyễn Đức H. Đinh Đức C đã có hành vi chứa chấp Máy cắt nhôm do Kh trộm cắp mà có.

Tổng cộng, Trần Văn Kh 04 lần trộm cắp tài sản trị giá: 17.395.000đ. Đinh Đức C 02 lần trộm cắp tài sản, tổng trị giá 9.535.000đ; 01 lần chứa chấp tài sản, trị giá 2.400.000đ do Trần Văn Kh phạm tội mà có.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi; trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp trên 2.000.000 đồng, bị cáo C đã có hành vi chứa chấp tài sản do bị cáo Kh trộm cắp mà có, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản và Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Lần phạm tội của bị cáo Trần Văn Khanh là tái phạm cho nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; người bị hại anh

Trần Đăng Kh đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Đinh Đức C có bố đẻ có Bằng Khen, Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Trần Văn Kh có nhân thân xấu. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Hoàng Khắc S yêu cầu bị cáo Trần Văn Kh phải bồi thường cho ông số tiền 6.000.000đ. Bị cáo nhất trí có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Khắc S số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Bà Vũ Thị D yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 3.010.000đ (ba triệu không trăm mười nghìn đồng) bị cáo Kh và bị cáo C nhất trí có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 3.010.000đ chia trách nhiệm mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà D số tiền là 1.505.000đ (một triệu năm trăm năm nghìn đồng) do vậy HĐXX cần ghi nhận sự thoả thuận trên. Bà Dìu Thị Ch đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì về phần dân sự. Anh Trần Đăng Kh, anh Nguyễn Đức H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn Kh, Đinh Đức C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*).

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Kh phạm tội *Trộm cắp tài sản*. Bị cáo Đinh Đức C phạm tội *Trộm cắp tài sản*” và tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Kh **12** (mười hai) tháng tù.Về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt **09** (chín) tháng tù của Bản án số 02/2018/ HS- ST

ngày 25/01/2018 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **01 (một) năm 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/10/2017).

2/ Căn cứ: Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*).

- Tuyên bố: Bị cáo Đinh Đức C phạm tội *Trộm cắp tài sản*” và tội *“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”*

- Xử phạt bị cáo Đinh Đức C **09 (chín)** tháng tù về tội *“Trộm cắp tài sản”*. Xử phạt **06 (sáu)** tháng tù về tội *“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”*. Tổng hợp hình phạt **06 (sáu)** tháng tù của Bản án số 02/2018/ HS- ST ngày 25/01/2018 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **01 (một) năm 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/10/2017).

3/ Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Trần Văn Kh và ông Hoàng Khắc S. Buộc bị cáo Trần Văn Kh có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Khắc S số tiền 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*).

Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Trần Văn Kh, Đinh Đức C với bà Vũ Thị D. Buộc mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị D số tiền 1.505.000đ (*một triệu năm trăm, năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Căn cứ các khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn Kh, Đinh Đức C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại

phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- VKS ND Tỉnh TQ;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo - Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lan

